

Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ nghề làm đường thốt nốt của đồng bào Khmer tại tỉnh An Giang: định hướng du lịch tái tạo

Phạm Trung Kiên

Khoa Du lịch, Đại học Nguyễn Tất Thành

Email: trungkienpham.work@gmail.com

Tóm tắt

Nghiên cứu đánh giá tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ nghề làm đường thốt nốt, di sản văn hóa phi vật thể quốc gia của đồng bào Khmer tại tỉnh An Giang, dựa trên định hướng du lịch tái tạo. Bài viết phân tích giá trị văn hóa của nghề thủ công truyền thống để xác định cơ hội phát triển du lịch. Kết quả đề xuất các sản phẩm du lịch gắn với nghề làm đường thốt nốt, thúc đẩy tái tạo văn hóa Khmer và sinh kế cộng đồng thông qua sự tham gia của các nghệ nhân và người dân địa phương. Nghiên cứu đóng góp vào lý thuyết du lịch tái tạo bằng cách cung cấp cơ sở áp dụng định hướng này vào nghề truyền thống, đồng thời đưa ra giải pháp thực tiễn để bảo tồn di sản văn hóa Khmer và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại An Giang.

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 06/05/2025

Được duyệt 09/08/2025

Công bố 30/09/2025

Từ khóa

Nghề làm đường thốt nốt, du lịch tái tạo, văn hóa Khmer, sản phẩm du lịch đặc thù.

1. Giới thiệu

Nghề làm đường thốt nốt (ĐTN) của đồng bào Khmer tại An Giang vừa phản ánh truyền thống sản xuất thủ công đặc sắc, vừa là sinh kế gắn bó lâu đời với cộng đồng. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đưa nghề này vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 376/QĐ-BVHTTDL ngày 21/02/2024, khẳng định giá trị văn hóa và tiềm năng du lịch gắn với bản sắc dân tộc [1]. Tuy nhiên, toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu đang đặt nghề làm ĐTN trước nguy cơ thiếu hụt nhân sự kế thừa, áp lực cạnh tranh từ sản phẩm công nghiệp, bất bình đẳng kinh tế và suy giảm sinh kế truyền thống. Điều này đòi hỏi một mô hình du lịch mới, vượt ra ngoài khái niệm du lịch bền vững để bảo tồn di sản văn hóa và tái tạo phúc lợi cộng đồng.

Du lịch tái tạo được định nghĩa là hệ thống thích nghi tạo ra giá trị tích cực rộng thông qua phục hồi và làm giàu các hệ thống văn hóa, cộng đồng và môi trường [2]. Khác với du lịch bền vững tập trung vào giảm thiểu tác động tiêu cực, du lịch tái tạo chú trọng vào đồng tạo giá trị, tư duy hệ thống và sự tham gia chủ động của cộng đồng. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với An Giang, nơi nghề làm ĐTN có thể trở thành nền tảng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, góp phần bảo tồn di sản Khmer và phục hồi sinh kế địa phương một cách chủ động, có định hướng.

Tại Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến khai thác tài nguyên địa phương nhưng du lịch tái tạo vẫn còn khá mới. Vai trò của ĐTN trong phát triển du lịch An Giang đã được đề cập nhưng chưa xem xét khía cạnh tái tạo hệ sinh thái hoặc văn hóa Khmer [3]. Phân tích tiềm

năng du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng Khmer ở huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang đã được thực hiện, song không đề cập đến thay đổi tư duy hoặc thực hành tái tạo [2, 4]. Trên bình diện quốc tế, du lịch tái tạo chủ yếu áp dụng trong các khu vực đô thị hoặc điểm đến tự nhiên, ít chú trọng tới làng nghề truyền thống, nơi tiềm ẩn giá trị văn hóa sống và khả năng đồng tạo giá trị với cộng đồng [2, 5, 6]. Do đó, nghiên cứu này sẽ xây dựng mô hình du lịch tái tạo tại An Giang, tích hợp sản vật địa phương và văn hóa Khmer nhằm lấp đầy khoảng trống lý thuyết và thực tiễn.

Nghiên cứu này tập trung đánh giá tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ nghề làm ĐTN tại An Giang, theo định hướng du lịch tái tạo với ba câu hỏi chính: những giá trị văn hóa nào của nghề làm ĐTN có thể được khai thác để phát triển du lịch tái tạo?; làm thế nào để thiết kế các sản phẩm du lịch đặc thù nhằm thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và tái sinh văn hóa?; những thách thức và giải pháp nào cần được giải quyết để triển khai du lịch tái tạo tại An Giang?

Về lý thuyết, nghiên cứu mở rộng khung du lịch tái tạo vào bối cảnh nghề thủ công bản địa. Về thực tiễn, nghiên cứu đề xuất sản phẩm như trải nghiệm làm ĐTN, workshop ẩm thực, thủ công và lễ hội văn hóa Khmer, với tính mới ở việc tiên phong tích hợp du lịch tái tạo với nghề truyền thống tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

2.1. Du lịch tái tạo

Các nỗ lực phát triển bền vững được biết đến với mục tiêu giảm thiểu các thiệt hại nhưng việc chỉ gây ít thiệt hại hơn được xem là không đủ [5, 7]. Khác với định

hướng phát triển bền vững vốn chỉ giảm thiểu tác động tiêu cực mà không thách thức mô hình tăng trưởng kinh tế vốn làm gia tăng các tổn thương đến hệ thống xã hội-sinh thái, du lịch tái tạo định vị các hoạt động du lịch như các can thiệp nhằm phát triển năng lực tổng thể của các điểm đến, cộng đồng và du khách [8, 9, 10]. Du lịch tái tạo tập trung vào việc tạo ra tác động tích cực ròng bằng cách lồng ghép hoạt động du lịch vào cộng đồng địa phương và các quy trình sinh thái, mang đến sự thịnh vượng cho cả hệ thống xã hội-sinh thái, nơi diễn ra hoạt động du lịch [11].

Khung lý thuyết gồm 07 nguyên tắc thực hành và 05 chiều thiết kế đã được đề xuất để định hướng nghiên cứu và triển khai du lịch tái tạo. 07 nguyên tắc đóng vai trò như các giá trị định hướng cho hành động trong quá trình phát triển sản phẩm. Trong khi đó, 05 chiều thiết kế cung cấp một cấu trúc để phân tích và vận hành quá trình tái tạo trong thực tiễn du lịch, bao gồm: tư duy tái tạo, tiềm năng nội tại, năng lực hệ thống, hiệu ứng hệ thống mong đợi với nhiệm vụ và nguồn lực [2].

2.2. Sản phẩm du lịch đặc thù và nghề truyền thống

Sản phẩm du lịch đặc thù là sản phẩm du lịch được hình thành từ các tài nguyên độc đáo, phản ánh bản sắc điểm đến thông qua tài nguyên tự nhiên hoặc nhân văn, tạo lợi thế cạnh tranh [12, 13]. Tại Việt Nam, nghề truyền thống theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền. Tại An Giang, sản vật như ĐTN, mắm và trái cây, cùng nghề làm ĐTN và dệt thổ cẩm Khmer là sản phẩm du lịch đặc thù, phản ánh văn hóa Khmer [3, 4]. Những nghề này bảo tồn di sản phi vật thể, phù hợp với du lịch tái tạo nhưng chưa được nghiên cứu để tích hợp vào mô hình tái tạo như phục hồi hệ sinh thái qua cây thốt nốt hoặc đa dạng hóa kinh tế [2, 6].

2.3. Khung phân tích đề xuất

Nghiên cứu này vận dụng khung lý thuyết về 05 chiều thiết kế trong du lịch tái tạo như một công cụ phân tích trung tâm để đánh giá tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch tái tạo từ nghề làm ĐTN của người Khmer tại An Giang. Mỗi chiều thiết kế đóng vai trò như một lăng kính để quan sát và giải thích các khía cạnh sau:

Tư duy tái tạo: phân tích nhận thức của cộng đồng và nhà quản lý về vai trò của du lịch trong bảo tồn và phát triển.

Tiềm năng nội tại: tập trung vào các yếu tố văn hóa, kỹ thuật và tín ngưỡng trong nghề làm ĐTN và khả năng chuyển hóa thành trải nghiệm du lịch có ý nghĩa.

Năng lực hệ thống: đánh giá khả năng tổ chức, học hỏi và kết nối của cộng đồng Khmer trong việc tham gia và làm chủ chuỗi giá trị du lịch.

Hiệu ứng hệ thống mong đợi: dự báo các kết quả tích cực như phục hồi sinh kế, duy trì văn hóa và tăng cường gắn kết cộng đồng.

Nhiệm vụ và nguồn lực: xác định các điều kiện thiết yếu về nguồn lực, chính sách và hạ tầng để hiện thực hóa mô hình này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp định tính, chủ yếu phân tích tài liệu thứ cấp để khám phá tiềm năng phát triển du lịch tái tạo từ nghề làm ĐTN. Dữ liệu được tổng hợp từ văn bản pháp luật, báo cáo địa phương, sách chuyên khảo, bài báo khoa học và nguồn tin đáng tin cậy trên báo điện tử. Khung phân tích gồm 05 chiều thiết kế được sử dụng làm nền tảng lý luận để phân tích hệ thống và đề xuất mô hình sản phẩm, góp phần đảm bảo tính logic và chiều sâu học thuật cho nghiên cứu.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Tiềm năng du lịch tái tạo từ nghề truyền thống

4.1.1. Tư duy tái tạo

Du lịch tái tạo đòi hỏi sự thay đổi căn bản trong cách nhìn nhận, từ ngành tiêu thụ tài nguyên sang công cụ phục hồi và làm giàu hệ thống tự nhiên, văn hóa, xã hội [2]. Nghề làm ĐTN của người Khmer tại An Giang không chỉ tạo ra thực phẩm mà còn phản ánh tri thức dân gian, canh tác tuần hoàn, tôn trọng mùa vụ, môi trường và mối quan hệ hài hòa giữa con người, cây trồng, tín ngưỡng.

Tuy nhiên, du lịch địa phương vẫn vận hành theo tư duy khai thác, chủ yếu là du lịch tâm linh và các loại hình du lịch đại chúng mà ít tận dụng các nghề truyền thống là nền tảng để phát triển bền vững. Các cơ sở sản xuất hướng đến việc tiêu thụ, cạnh tranh với sản phẩm đường công nghiệp mà thiếu liên kết với thị trường du lịch. Một số tour ngắn ngày giới thiệu công đoạn nấu ĐTN song chỉ dừng ở tham quan, mua quà lưu niệm, thiếu trải nghiệm sâu và chưa truyền tải giá trị văn hóa Khmer [14].

Việc chuyển từ tư duy khai thác sang tái tạo trong phát triển du lịch là bước nền quan trọng để định hình mô hình bền vững tại địa phương. Tư duy này cần xuất phát từ chính cộng đồng, nơi nghề truyền thống được nhìn nhận như một di sản sống và nền tảng sinh kế mới, qua đó khơi dậy vai trò chủ thể của người dân trong phát triển du lịch tái tạo [6].

4.1.2. Tiềm năng nội tại

Tiềm năng nội tại của nghề làm ĐTN không chỉ nằm ở sản phẩm ĐTN mà còn ở chuỗi giá trị văn hóa sống gắn

liền với cây thốt nốt, một biểu tượng thiêng liêng gắn với tín ngưỡng và sinh kế truyền thống của người Khmer vùng Bảy Núi.

Quy trình sản xuất thủ công, từ cắt hoa thu mật mỗi sáng, đun trên lò đất bằng củi đến cô đặc không chất bảo quản, là “di sản sống” truyền qua nhiều thế hệ và không thể thay thế bằng công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào kỹ thuật thủ công và lao động truyền thống đã đặt ra thách thức về việc bảo tồn tri thức bản địa trong bối cảnh hiện đại hóa và xu hướng di cư lao động ngày càng gia tăng [15]. Nếu không có cơ chế chuyển hóa thành giá trị kinh tế mới như sản phẩm du lịch trải nghiệm thì nguy cơ thất truyền là hoàn toàn có khả năng xảy ra.

Ngoài sản phẩm và kỹ thuật, không gian văn hóa làng nghề Khmer cũng hàm chứa tiềm năng lớn. Chùa Xvayton, các lễ hội Ok Om Bok, Sen Dolta, nghệ thuật Dù Kê, khắc chữ lá buông,... tạo nên cảnh quan văn hóa đa tầng, thích hợp cho du lịch chậm, học tập và du lịch cảm thụ. Tuy chưa được khai thác hiệu quả nhưng nếu tiếp cận theo hướng tái tạo với thiết kế trải nghiệm toàn diện, đây sẽ là “tài nguyên khác biệt cao độ” cho phát triển sản phẩm du lịch đặc thù [13].

4.1.3. Năng lực hệ thống

Năng lực hệ thống đề cập đến khả năng của cộng đồng và các bên liên quan trong việc tổ chức, học hỏi và thích ứng để cùng kiến tạo các hệ thống du lịch tái tạo [2]. Theo thống kê của thị xã Tịnh Biên, toàn thị xã có khoảng 305 cơ sở sản xuất ĐTN với 780 lao động trực tiếp. Mạng lưới sản xuất truyền thống đã được hình thành, tuy nhiên vẫn hoạt động đơn lẻ, thiếu cơ chế liên kết và tiếp cận chuỗi giá trị du lịch.

Cộng đồng Khmer là chủ thể gìn giữ nghề qua nhiều thế hệ với mô hình sản xuất gia đình gắn liền vùng nguyên liệu và làng xã. Tuy nhiên, sự thiếu liên kết giữa các hộ khiến việc tiếp cận thị trường và phát triển du lịch còn hạn chế, đây vừa là điểm yếu vừa là cơ hội tổ chức lại nếu có chính sách và hỗ trợ phù hợp.

Một số cơ sở sản xuất và hợp tác xã đã bước đầu chuyên nghiệp hóa và gắn với định hướng du lịch nông thôn, song quy mô còn nhỏ, thiếu năng lực tổ chức trải nghiệm và liên kết thị trường. Nhìn chung, hệ thống sản xuất hiện tại còn phân tán, tiềm lực nội sinh chưa được kích hoạt đúng mức. Cơ hội nâng cao năng lực nội sinh nằm ở 03 điểm then chốt: tái cấu trúc sản xuất thành chuỗi giá trị gắn sản xuất với du lịch trải nghiệm; hình thành tổ chức liên kết cộng đồng đa bên; xây dựng cơ chế học tập, truyền nghề và định vị di sản văn hóa sống. Nếu được phát triển đúng hướng, cộng đồng Khmer có thể trở thành chủ thể văn hóa và kinh tế trong du lịch tái tạo.

4.1.4. Hiệu ứng hệ thống mong đợi

Nghề truyền thống được tích hợp vào sản phẩm du lịch không chỉ bảo tồn tri thức bản địa mà còn làm sống lại hệ giá trị văn hóa Khmer trong bối cảnh hiện đại. Việc gắn hoạt động nấu ĐTN, kể chuyện dân gian, lễ hội truyền thống vào hành trình trải nghiệm góp phần bảo tồn di sản dưới dạng “di sản sống” thay vì trưng bày tĩnh tại.

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang, hiện nay toàn tỉnh có khoảng 60.000 cây thốt nốt, với gần 2.000 hộ gia đình và cơ sở tham gia sản xuất, cung cấp khoảng 6.000 tấn ĐTN mỗi năm. Việc kết hợp sản xuất truyền thống với du lịch trải nghiệm có thể mở rộng cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương. Cụ thể, Công ty Cổ phần Palmania ghi nhận doanh thu tăng từ 200 triệu đồng/vụ (2017-2018) lên gần 2 tỷ đồng/năm (2022), cung cấp 20 tấn mật thốt nốt và tạo việc làm thường xuyên cho 10 lao động với thu nhập 6-8 triệu đồng/tháng, cùng hàng chục lao động thời vụ với thu nhập 350.000-500.000 đồng/ngày. Những con số này cho thấy rõ tiềm năng kinh tế khi tích hợp nghề làm ĐTN với du lịch tái tạo.

Các hoạt động du lịch như tham quan làng nghề, trải nghiệm quy trình làm ĐTN, tham gia lễ hội truyền thống vừa giúp du khách hiểu sâu hơn về văn hóa Khmer, vừa khuyến khích cộng đồng duy trì và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

4.1.5. Nhiệm vụ và nguồn lực

Tiềm năng du lịch tái tạo từ nghề làm ĐTN sẽ không thể phát huy nếu thiếu chiến lược hành động cụ thể. Trước hết, cần tập trung vào thiết kế sản phẩm du lịch đặc thù với chiều sâu văn hóa như tour theo mùa vụ nấu ĐTN, trải nghiệm ẩm thực thốt nốt, hoạt động lễ hội Khmer,... Các sản phẩm cần phản ánh được tri thức bản địa và tạo không gian tương tác chân thực giữa du khách và cộng đồng.

Kế đến, cần đào tạo cộng đồng địa phương, không chỉ về kỹ năng đón tiếp mà còn về tư duy làm du lịch tái tạo, nhấn mạnh yếu tố đồng tạo sản phẩm du lịch để dẫn dắt du khách tiếp cận chiều sâu văn hóa.

Cuối cùng, cần xây dựng mạng lưới liên kết với doanh nghiệp du lịch, hợp tác xã và chính quyền địa phương. Việc này không chỉ giúp sản phẩm có đầu ra ổn định mà còn định vị rõ ràng sản phẩm du lịch thốt nốt trong chuỗi giá trị ngành. Nếu được đầu tư đúng mức, đây sẽ là nền tảng để phát triển du lịch tái tạo bền vững từ di sản văn hóa bản địa.

4.2. Thách thức trong triển khai du lịch tái tạo

Thứ nhất, nhận thức về du lịch tái tạo trong cộng đồng và chính quyền còn hạn chế; phần lớn vẫn coi du lịch là công cụ tiêu thụ tài nguyên, chưa nhìn nhận vai trò tái tạo văn hóa và phục hồi sinh kế, dẫn đến thiếu chính sách hỗ trợ và định hướng dài hạn [2].

Thứ hai, xung đột giữa du lịch đại chúng và bảo tồn di sản Khmer ngày càng rõ, khi điểm đến như Núi Sam, Miếu Bà Chúa Xứ thu hút khách đại chúng, còn lễ hội và làng nghề Khmer lại cần không gian chậm, ít thương mại hóa, khiến bản sắc văn hóa bị mờ nhạt.

Thứ ba, nguồn lực triển khai hạn chế về vốn, kỹ năng du lịch và hạ tầng. Hầu hết cơ sở sản xuất ĐTN chưa có điểm trải nghiệm, cộng đồng thiếu năng lực tổ chức và liên kết với doanh nghiệp.

Những thách thức này không phủ nhận tiềm năng của du lịch tái tạo tại An Giang, mà cho thấy nhu cầu cấp thiết phải điều chỉnh nhận thức, nâng cao năng lực và đầu tư có định hướng, để nghề truyền thống trở thành nền tảng tái sinh văn hóa và phát triển sinh kế bền vững.

4.3. Đề xuất phát triển sản phẩm du lịch tái tạo từ nghề làm ĐTN

4.3.1. Sản phẩm du lịch đặc thù

Để hiện thực hóa mô hình du lịch tái tạo tại An Giang, cần phát triển các sản phẩm đặc thù dựa trên nghề làm ĐTN và giá trị văn hóa Khmer, vừa mang tính trải nghiệm vừa tái tạo tri thức, sinh kế và bản sắc địa phương.

Thứ nhất, tour một ngày trải nghiệm mùa vụ tại các làng nghề như Sóc Tà Ngáo, An Túc, Lương Phi, nơi du khách cùng nghề nhân thu mật, đun nấu, đổ khuôn và thưởng thức nước thốt nốt tươi. Hoạt động này tái hiện nhịp sống nông nghiệp, quy trình thủ công bền vững và truyền tải thông điệp bảo tồn tri thức bản địa.

Thứ hai, workshop ẩm thực, thủ công và văn hóa Khmer, gồm chế biến món ăn từ ĐTN, làm quà lưu niệm từ lá thốt nốt, tìm hiểu múa Dù Kê hoặc chữ Khmer, qua đó truyền nghề và kế thừa văn hóa qua thực hành.

Thứ ba, du lịch cộng đồng tại làng nghề theo mô hình homestay, giúp du khách sống cùng gia đình Khmer, tham gia hoạt động thường nhật, gắn bó với không gian làng xã, chùa chiền và lễ hội. Lộ trình 2 ngày 1 đêm có thể gồm: ngày 1 tham quan và trải nghiệm quy trình làm ĐTN, giao lưu cộng đồng, dùng bữa tối món Khmer và nghỉ tại homestay; ngày 2 tham dự nghi lễ, thưởng thức nghệ thuật dân gian hoặc workshop thủ công, kết thúc bằng mua sản phẩm địa phương để hỗ trợ sinh kế và bảo tồn nghề.

Thứ tư, lễ hội ĐTN tổ chức thường niên vào mùa thu hoạch, với các hoạt động như trình diễn làm đường, thi chế biến món từ ĐTN, giao lưu văn hóa – nghệ thuật Khmer và phiên chợ sản vật. Đây là điểm nhấn quảng bá hình ảnh địa phương và tăng cường liên kết cộng đồng. Bảng sau tổng hợp đặc điểm chính của bốn mô hình sản phẩm, làm rõ sự khác biệt và thế mạnh của từng loại hình.

Bảng 1. Tổng hợp các mô hình sản phẩm du lịch gắn với nghề ĐTN

Tiêu chí	Tour mùa vụ	Workshop trải nghiệm	Homestay văn hóa	Lễ hội nghề truyền thống
Mô tả chính	Tour ngắn hạn theo mùa vụ (thu hoạch nước, nấu đường,...)	Trải nghiệm làm đường, đan giỏ, chế biến ẩm thực từ thốt nốt	Lưu trú tại nhà người dân, gắn với sinh hoạt văn hóa Khmer	Sự kiện cộng đồng tái hiện nghề, kết hợp biểu diễn văn hóa
Thời gian triển khai	Theo mùa vụ	Quanh năm	Quanh năm	Định kỳ hàng năm
Giá trị tái tạo sinh kế	Tạo thu nhập theo mùa cho cộng đồng	Truyền nghề, tạo thu nhập cho nghề nhân, phụ nữ địa phương	Tăng thu nhập qua lưu trú, dịch vụ ăn uống-trải nghiệm	Tạo doanh thu từ bán hàng, biểu diễn, quảng bá điểm đến
Giá trị tái tạo văn hóa	Gắn với nhịp sống nghề truyền thống	Lưu giữ tri thức dân gian	Gìn giữ lối sống, phong tục trong môi trường sống tự nhiên	Khôi phục không gian ký ức tập thể-kích hoạt niềm tự hào

Nếu phát triển đúng hướng, các sản phẩm này sẽ tạo nên hệ sinh thái du lịch tái tạo vừa giàu bản sắc, vừa bền vững về kinh tế-xã hội.

4.3.2. Giải pháp thực tiễn

Để hiện thực hóa các sản phẩm du lịch tái tạo từ nghề làm ĐTN, cần có giải pháp đồng bộ trên bốn phương diện:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và tư duy hệ thống, giúp cộng đồng và chính quyền coi du lịch không chỉ là ngành kinh tế mà còn là công cụ phục hồi văn hóa-xã hội. Hội thảo, tập huấn giới thiệu khái niệm, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế và trao quyền cho cộng đồng là bước khởi đầu thiết yếu.

Thứ hai, xây dựng quan hệ đối tác đa ngành giữa chính quyền, hợp tác xã, tổ chức phi chính phủ và trường đại học để đồng phát triển sản phẩm, đào tạo nhân lực và huy động nguồn lực kỹ thuật. Mô hình chỉ hiệu quả khi có liên kết ngang và chia sẻ giá trị giữa các bên.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách và hạ tầng hỗ trợ như ưu đãi thuế cho dự án du lịch cộng đồng, hỗ trợ tài chính khởi sự, đầu tư trung tâm trải nghiệm nghề truyền thống và nâng cấp giao thông tới làng nghề.

Thứ tư, tích hợp công nghệ 4.0 trong quảng bá và trải nghiệm, ứng dụng VR/AR tái hiện quy trình làm ĐTN, xây dựng nội dung số trên TikTok, YouTube, Instagram qua các video ngắn như “Một ngày làm thợ nấu đường”, “Thử thách cùng cây thốt nốt” hay “Ẩm thực ĐTN”.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu khẳng định nghề làm ĐTN của người Khmer tại An Giang không chỉ là di sản văn hóa phi vật thể mà còn là nền tảng tiềm năng cho phát triển sản phẩm du lịch đặc thù theo định hướng tái tạo. Dựa trên khung lý thuyết 05 chiều thiết kế, nghiên cứu làm rõ giá trị văn hóa, vai trò cộng đồng và hiệu ứng hệ thống khi nghề

truyền thống được tích hợp vào du lịch. Các sản phẩm đề xuất như tour mùa vụ, workshop văn hóa, du lịch cộng đồng và lễ hội nghề cho thấy khả năng phục hồi sinh kế, bảo tồn di sản và tăng quyền chủ động của cộng đồng Khmer.

Về lý thuyết, nghiên cứu mở rộng ứng dụng du lịch tái tạo vào bối cảnh di sản phi vật thể và cộng đồng dân tộc thiểu số, đề xuất mô hình lấy phục hồi sinh kế, tái tạo tri thức và gia tăng quyền chủ thể làm trọng tâm, khác biệt so với cách tiếp cận chỉ chú trọng bảo tồn hay khai thác văn hóa. Về thực tiễn, mô hình sản phẩm và giải pháp có thể tích hợp vào quy hoạch du lịch, trong đó lễ hội ĐTN lần đầu được đề xuất như cấu phần chiến lược xây dựng thương hiệu điểm đến, hướng tới tái hiện ký ức nghề, kích hoạt sáng tạo cộng đồng và kết nối du khách, nghệ nhân và di sản theo chu trình dài hạn.

Hạn chế nghiên cứu nằm ở việc sử dụng dữ liệu thứ cấp, chưa có khảo sát thực địa hoặc thử nghiệm mô hình. Tương lai cần khảo sát sâu với nghệ nhân, hộ sản xuất và du khách để kiểm chứng tính khả thi, đồng thời thử nghiệm sản phẩm ở quy mô nhỏ trước khi nhân rộng cho các cộng đồng nghề truyền thống khác.

Lời cảm ơn: Xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và cơ quan công tác đã hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện và hoàn thiện bài báo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2024). Quyết định về việc công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. <https://bvhttdl.gov.vn/van-ban-quan-ly/111072.htm>
- [2] Bellato, L., Frantzeskaki, N., & Nygaard, C. A. (2023). Regenerative tourism: A conceptual framework leveraging theory and practice. *Tourism Geographies*, 25(4), 1026-1046. <https://doi.org/10.1080/14616688.2022.2044376>
- [3] Xuân, D. T. (2018). Giải pháp khai thác các sản vật địa phương tỉnh An Giang trong phát triển du lịch. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, (33), 60-66. <https://doi.org/10.52714/dthu.33.8.2018.608>
- [4] Cảnh, Đ. N., & Thi, N. T. Á. (2018). Phát triển du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng người Khmer ở huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. *Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ*, 54(6), 148-157. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.107>
- [5] Pollock, A. (2019a). Flourishing beyond sustainability ETC Workshop in Krakow. February, 6, 2019.
- [6] Cave, J., & Dredge, D. (2021). Regenerative tourism needs diverse economic practices. In *Global tourism and COVID-19* (pp. 49-59). Routledge. <https://doi.org/10.1080/14616688.2020.1768434>
- [7] Chassagne, N., & Everingham, P. (2020). Buen Vivir: Degrowing extractivism and growing wellbeing through tourism. In *Tourism and degrowth* (pp. 165-181). Routledge. <https://doi.org/10.1080/09669582.2019.1660668>
- [8] Dwyer, L. (2018). Saluting while the ship sinks: The necessity for tourism paradigm change. *Journal of Sustainable Tourism*, 26(1), 29-48. <https://doi.org/10.1080/09669582.2017.1308372>
- [9] Pollock, A. (2019b). Regenerative tourism: The natural maturation of sustainability. Retrieved March, 11, 2021.
- [10] UNWTO & UNDP. (2017). Tourism and the sustainable development goals – Journey to 2030 (9789284419401).
- [11] Bellato, L., & Cheer, J. M. (2021). Inclusive and regenerative urban tourism: Capacity development perspectives. *International Journal of Tourism Cities*, 7(4), 943-961. <https://doi.org/10.1108/IJTC-08-2020-0167>
- [12] Hùng, N. P. (2016). Văn hóa du lịch. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

- [13] Hà, C. H. (2021). Cơ sở khoa học về sản phẩm du lịch đặc thù ở Việt Nam. HNUE Journal of Science. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2021-0018>
- [14] Phan, N. V. (2025). Livelihoods associated with tourism of the Khmer community in the seven mountains region, An Giang province. Journal of Ethnic Minorities Research. <https://doi.org/10.54163/ncdt/387>
- [15] Hà, T. V. T. H. (2023). Di cư lao động của người Khmer ở thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang hiện nay. Tạp chí Dân tộc học.

Developing distinctive tourism products from the palm sugar-making craft of the Khmer community in An Giang province: a regenerative tourism approach

Pham Trung Kien

Faculty of Tourism, Nguyen Tat Thanh University

Email: trungkienpham.work@gmail.com

Abstract This study assesses the potential for developing distinctive tourism products from the palm sugar-making craft, a national intangible cultural heritage of the Khmer community in An Giang Province, based on a regenerative tourism approach. An analysis of the cultural values of this traditional craft reveals opportunities for tourism development. The study proposes tourism products linked to the palm sugar-making craft, aiming to revitalize Khmer cultural revitalization and enhance community livelihoods through the active engagement of artisans and local residents. This study contributes to the theoretical discourse on regenerative tourism by providing a foundation for applying this approach to traditional crafts, while offering practical solutions to preserve Khmer cultural heritage and promote sustainable tourism development in An Giang.

Keywords Palm sugar-making craft, regenerative tourism, Khmer culture, distinctive tourism products.